

Lê Mạnh Chiến

VỀ VIỆC SỬ DỤNG TÀI LIỆU GIÁN TIẾP VÀ BỊA RA CỨ LIỆU

I. Câu hỏi của một độc giả

Sau khi đọc bài "Đừng gia hạn cho sai lầm trong sách giáo khoa" trên báo *Người đại biểu Nhân dân* số 92 (484) và 94 (486) ngày 10 và 13 tháng 6 năm 2005, độc giả Đỗ Giáo ở số nhà 176 ngõ 158 phố Ngọc Hà, Hà Nội đã nhờ Toà soạn chuyển thư trao đổi ý kiến với tác giả. Sau đây là phần chính của bức thư.

"Bằng lập luận rất chặt chẽ và đầy sức thuyết phục, tác giả của bài "Đừng gia hạn cho sai lầm trong sách giáo khoa" đã hoàn toàn bác bỏ ý kiến của giới sử học hiện nay cho rằng nạn cống vải là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến cuộc khởi nghĩa của Mai Thúc Loan.

Tuy nhiên, chúng tôi vẫn thắc mắc ở chỗ, hình như sách lịch sử của Trung Quốc cũng xác nhận về việc Mai Thúc Loan đã từng làm phu gánh quả vải tươi sang kinh đô nhà Đường. Chứng cứ là, trong sách *Lịch sử Hà Tĩnh* (Đặng Huy Bá chủ biên, Đinh Xuân Lâm–Phan Huy Lê–Hà Văn Tấn–Trương Hữu Quýnh–Hoàng Văn Khoán–Ngô Đăng Tri–Nguyễn Xuân Đình–Đinh Văn Thiêm. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000) có đoạn viết về cuộc khởi nghĩa của Mai Thúc Loan (trang 107-108, tập I) như sau:

"Sử cũ viết rằng, Mai Thúc Loan lớn lên "da đen như sắt", "thân dài hơn bảy thước", "khí độ hùng vĩ", "mọi người đều sợ phục". Bấy giờ, nhân dân ta đang khổ cực vì tệ áp bức, bóc lột nặng nề của bọn quan lại nhà Đường. Ngoài tô ruộng, bọn thống trị còn bắt dân ta phải nộp các sản phẩm thủ công, nộp thuế đinh, đi lao dịch, vào rừng kiếm sừng tê, ngà voi, lông trĩ, trầm hương... không ít thanh niên bị bắt đi lính hoặc bắt làm nô lệ phục dịch trong nhà các viên quan đô hộ. Nước ta vốn có nhiều hoa quả ngon ngọt nổi tiếng, rất được bọn qua lại đô hộ ham thích. Để được bề trên thăng chức, khen ngợi, bọn này đã nghĩ ra việc chuyên chở các thứ quả ngon về tận kinh đô nhà Đường, dâng cho bọn quý tộc, vua chúa. Vải tươi An Nam là một trong các loại hoa quả mà vua chúa, quý tộc nhà Đường rất ham thích. Và thế là hình thành một hình thức lao dịch mới đối với người dân Việt. Hàng năm, cứ đến mùa vải chín, hàng loạt thanh niên trai tráng bị bắt gánh vải chạy và chuyển nhau từ An Nam sang tận kinh đô Tràng An cách xa hàng vạn dặm, để kịp lúc vải còn ngon. Cảnh lao dịch này đã khiến nhiều người chịu không nổi mà chết dọc đường, không những thế, việc thu chọn vải tươi lại là một dịp cho bọn quan lại đô hộ thả sức hạch sách, hành hạ nhân dân ta... Một bài hát châu văn sau này đã tả lại cảnh cống vải đó như sau:

*Nhớ khi nội thuộc Đường triều
Giang sơn cổ quốc nhiều điều ghê gai
Sầu quả vải vì ai vạch lá
Ngựa hồng trần kẻ đã héo hon*

Sống trong cảnh bị hạch sách, bóc lột đủ điều như vậy, Mai Thúc Loan cũng như một số bạn bè rất căm giận quân đô hộ. **Theo sử cũ (Đường thư, Dương Tư Húc truyện), đầu thời Khai Nguyên vào một năm được mùa vải tươi, Mai Thúc Loan bị bắt đi làm phu gánh vải đi cống cho triều Đường.**"

Qua đoạn văn trên đây, các nhà sử học đã cho chúng ta biết đích xác rằng, Mai Thúc Loan đã từng phải làm phu gánh vải nộp cống sang tận kinh đô Tràng An của nhà Đường. Theo họ thì sự việc này đã được ghi chép trong sách *Đường thư*, mà cụ thể là trong *Truyện Dương Tư Húc*.

Tác giả của bài "Đừng gia hạn cho sai lầm trong sách giáo khoa" nghĩ như thế nào về cứ liệu lịch sử này? Phải chăng, ý kiến của các nhà sử học vẫn còn có cơ sở? Có lẽ nhiều độc giả khác cũng thắc mắc như tôi. Mong ông giải đáp trên báo chí."

II. Đã là sự việc bất khả thi thì không thể xảy ra

Chúng tôi đã kiểm chứng thông tin nói trên. Cảm ơn quý vị độc giả đã cung cấp thông tin quý báu và đã nêu lên một câu hỏi rất đáng chú ý. Xin nói ngay rằng, thông tin trên đây không hề ảnh hưởng đến kết luận của chúng tôi, bởi vì, theo lý lẽ chủ yếu nhất mà chúng tôi đã nêu thì không thể gánh gồng để đưa quả vải tươi từ châu Hoan đến kinh đô Tràng An, vì nếu đi được thì cũng mất 5-6 tháng trở lên, quả vải đã thối từ lâu. Việc gánh vải tươi sang Tràng An là hoàn toàn bất khả thi. Nếu có một tài liệu nào đó khẳng định về việc dân ta đã từng phải gánh quả vải sang Tràng An để nộp cống cho nhà Đường thì đó chỉ là một sai lầm, không thể thuyết phục được ai. Tuy nhiên, câu hỏi do quý vị độc giả nêu lên thì lại rất đáng quan tâm. Chúng ta không khỏi ngỡ ngàng nếu có sách khẳng định rằng, tài liệu lịch sử của Trung Quốc cũng xác nhận sự kiện về "nạn cống vải". Các tác giả của sách đó có trung thực hay không? Đành rằng, không phải mọi sử liệu của Trung Quốc đều hoàn toàn đúng, nhưng lẽ nào các nhà sử học Trung Quốc vốn biết rất rõ rằng quả vải là đặc sản của vùng Hoa Nam mà cũng mắc sai lầm như các nhà sử học hiện nay ở nước ta? Kẻ viết bài này thấy cần phải làm sáng tỏ vấn đề: phải chăng, *Đường thư* đã khẳng định về việc Mai Thúc Loan từng làm phu gánh vải sang Tràng An?

III. Đường thư là sách gì?

Nhiều độc giả có thể nghĩ rằng, để trả lời câu hỏi mà chúng tôi vừa nêu, chỉ việc tìm sách *Đường thư* rồi lật ra, đọc *Truyện Dương Tư Húc* thì sẽ biết rõ trong đó có nói về việc Mai Thúc Loan từng làm phu cống vải hay không. Cách làm là như thế, nhưng khi làm thì không đơn giản chút nào.

Trước hết hãy tìm hiểu sơ qua về *Đường thư*.

Cứ dựa theo từ ngữ mà xét thì *Đường thư* là bộ sách lịch sử về triều đại nhà Đường (618-907), cũng như *Hán thư*, *Tấn thư*, *Lương thư*, *Trần thư*, *Tùy thư*,... là những sách ghi chép lịch sử các triều đại Hán, Tấn, Lương, Trần, Tùy, v.v... Lạ thay, *Từ điển Từ hải* (các ấn bản năm 1989 và 1999) không có mục từ *Đường thư* mặc dầu vẫn có các mục từ *Hán thư*, *Tấn thư*, *Lương thư*, *Trần thư*, *Tùy thư*, v.v... Tuy nhiên, ở ấn bản đầu tiên của *Từ điển Từ hải* (năm 1932), có mục từ *Đường thư* ghi rằng: có *Cựu Đường thư* và *Tân Đường thư*. *Từ điển Từ nguyên* cũng có mục từ *Đường thư* và ghi: xem *Cựu Đường thư* và *Tân Đường thư*. Từ đó, chúng ta hiểu rằng, danh từ *Đường thư* có thể dùng để chỉ hai bộ sách về lịch sử thời nhà Đường là *Cựu Đường thư* và *Tân Đường thư*, chứ không phải là tên một bộ sách cụ thể. Như vậy thì, việc ghi chú "*Đường thư. Dương Tư Húc truyện*" như các tác giả của *Lịch sử Hà Tĩnh* từng làm đã chứng tỏ rằng, **họ chưa hề đọc Dương Tư Húc truyện, mà họ chỉ thấy truyện này được nhắc đến trong một tài liệu cũ nào đó nhưng họ không ghi chú rõ ràng.**

Thực ra, *Đường thư* vốn là tên một bộ sách về lịch sử nhà Đường nhưng từ năm 1060 trở đi thì đổi tên là *Cựu Đường thư* (xem phần dưới đây). Cái tên *Đường thư* mà các tác giả của *Lịch sử Hà Tĩnh* đã nêu hẳn là được chép từ một sách nào đó của Việt Nam mà trong đó có sử dụng tư liệu trong *Tân Đường thư*, nhưng vì một lý do nào đó nên người ta lại ghi là *Đường thư*. Về vấn đề này, chúng ta sẽ xem xét sau.

Muốn kiểm chứng điều khẳng định trong sách *Lịch sử Hà Tĩnh*, chúng ta phải tra cứu trong *Cựu Đường thư* và *Tân Đường thư*.

IV. Vài nét về Cựu Đường thư

Cựu Đường thư là một bộ sử tịch ghi lại lịch sử của triều đại nhà Đường (618-907) một cách có hệ thống, và cũng là tài liệu sớm nhất về lịch sử thời Đường mà nay còn giữ được. Lúc đầu, bộ sách này có tên là *Đường thư*. Đến năm 1060, một bộ sách khác về lịch sử triều đại nhà Đường do Âu Dương Tu và Tống Kỳ chủ biên bắt đầu lưu hành, lấy tên là *Tân Đường thư*, cho nên, bộ sách *Đường thư* được gọi là *Cựu Đường thư* để có sự phân biệt..

Cựu Đường thư có cả thảy 200 quyển, trong đó bao gồm Bản kỷ - 20 quyển, Chí - 30 quyển; Liệt truyện - 150 quyển. Bản in của *Trung Hoa thư cục* năm 1975 chia thành 16 tập. Sách này được biên soạn từ năm Thiên Phúc thứ 6, nhà Hậu Tấn (năm 941), lúc đầu, hoàng đế Cao Tổ tên là Thạch Kính Đường giao cho tể tướng Triệu Oanh làm giám tu (phụ trách việc biên soạn), nhưng vị tể tướng kế

nhiệm là Lưu Hú (888-947) mới là người giám tu chủ yếu. Đến năm Khai Vận thứ 2 (945) đời Xuất Đế thì hoàn thành, thời gian biên soạn là 4 năm (941-945).

Các tác giả của *Cựu Đường thư* sống sau triều đại nhà Đường không lâu, họ có điều kiện để tiếp xúc với nhiều sử liệu của thời Đường. Tuy nhiên, vì sử liệu cuối thời Đường còn tản mạn chưa thu thập hết, trong khi triều đình Hậu Tấn là một chính quyền trong thời Ngũ Đại đầy loạn lạc, chỉ làm chủ khu vực phía bắc Trung Quốc và chỉ tồn tại được 10 năm (936–946) mà thời gian biên soạn *Cựu Đường thư* lại quá ngắn nên bộ sách này còn bỏ sót khá nhiều sự kiện và vấp khá nhiều khiếm khuyết. Sau khi *Tân Đường thư* ra đời, suốt một thời gian rất dài, hầu như người đời đã bỏ quên *Cựu Đường thư*. Mãi đến năm Gia Tĩnh thứ 10 (1538), triều Minh, *Cựu Đường thư* được Văn Nhân Thuyên biên tập lại rồi in ra, từ đó mới được lưu hành trở lại cho đến ngày nay. Điều đó chứng tỏ rằng, *Cựu Đường thư* có một số ưu điểm mà *Tân Đường thư* không dễ thay thế.

V. Vài nét về Tân Đường thư

Năm 1044, Tống Nhân Tông nhận thấy *Đường thư* có nhiều chỗ thiếu sót nên đã hạ chiếu soạn lại, với sự tham gia của những nhân vật danh tiếng nhất trên văn đàn đương thời như Âu Dương Tu, Tống Kỳ, Phạm Trấn, Lữ Hạ Khanh, Vương Trù, Tống Mẫn Cầu, Lưu Hy Tấu, v.v..., trong số đó, Âu Dương Tu (1007-1072) là một trong tám "đại gia" của hai triều đại Đường-Tống. Năm 1060, sách được biên soạn xong, lấy tên *Tân Đường thư*, và từ đó, *Đường thư* được đổi tên thành *Cựu Đường thư*. *Tân Đường thư* gồm 225 quyển, (bản in của *Trung Hoa thư cục* năm 1975 chia thành 20 tập), trong đó có 10 bản kỷ, 50 chí, 15 biểu, 150 liệt truyện. So với *Cựu Đường thư* thì *Tân Đường thư* thêm hẳn 15 biểu, giảm số bản kỷ từ 20 xuống 10, tăng từ 30 chí lên 50 chí, đặc biệt là viết thêm Binh chí, Tuyển cử chí và Nghi vệ chí. Binh chí ghi chép về chế độ quân sự thời Đường; Tuyển cử chí chủ yếu ghi chép về nguồn gốc các quan lại, chế độ thi cử và tuyển chọn quan lại; Nghi vệ chí nói về lễ phục và thủ tục hộ vệ nhà vua. Những người biên soạn *Tân Đường thư* chủ trương thu thập thêm nhiều sự kiện hơn nhưng lời văn thì phải ngắn gọn hơn *Cựu Đường thư*.

Được biên soạn trong thời Bắc Tống, một thời kỳ yên ổn tương đối lâu dài nên các soạn giả của *Tân Đường thư* có điều kiện thu thập thêm nhiều sử liệu mà *Cựu Đường thư* còn bỏ sót, đề cập đến một số lĩnh vực và nhân vật quan trọng khác mà trước đó chưa được nhắc tới. Đương nhiên, *Tân Đường thư* cũng mắc một số khuyết điểm, mà chủ yếu là do mang nặng tư tưởng phong kiến chính thống nên đã có cách nhìn thiên lệch đối với các phong trào nông dân khởi nghĩa hoặc với vai trò của nữ hoàng Võ Tắc Thiên.

Do uy tín rất lớn của những người biên soạn, nhất là của Âu Dương Tu, cho nên, suốt một thời gian dài, *Tân Đường thư* đã làm cho *Cựu Đường thư* bị bỏ quên.

VI. Tìm đọc Truyện Dương Tư Húc

Theo ghi chú trong sách *Lịch sử Hà Tĩnh*, việc Mai Thúc Loan làm phu gánh vải sang Tràng An nộp cống đã được ghi ở *Truyện Dương Tư Húc* trong bộ sách *Đường thư*. Bởi vậy, muốn biết thật rõ về sự ghi chép đó thì phải có sách *Đường thư* để tìm đọc *Truyện Dương Tư Húc* ở trong đó. Nhưng từ hơn 900 năm qua, cái tên *Đường thư* không còn là tên của một bộ sách cụ thể nào cả mà có thể dùng để chỉ *Cựu Đường thư* và *Tân Đường thư*, cho nên chúng tôi phải tìm cả hai bộ sách này để đọc *Truyện Dương Tư Húc*. Ở hai bộ sách này, truyện về các hoàng đế đều được ghi chép trong các Bản kỷ, còn truyện về tất cả các nhân vật khác thì được chép trong các Liệt truyện. Ví dụ, trong *Tân Đường thư*, Liệt truyện thứ 61 chép về Lý Quang Bật, Liệt truyện thứ 62 chép về Quách Tử Nghi, v.v... Những nhân vật ít công tích hơn thì không được chép riêng thành một liệt truyện, mà được gộp chung, có khi hàng chục nhân vật được chép trong một liệt truyện. Chúng tôi phải đọc rất kỹ mục lục của *Cựu Đường thư* và *Tân Đường thư* nhưng không thấy đề mục *Dương Tư Húc truyện*. Tuy nhiên, chắc chắn rằng, trong hai bộ sách này thế nào cũng có chỗ nói đến Dương Tư Húc. Dựa vào mục lục để tìm kiếm thì không thấy, mà lần mò khắp hàng vạn trang sách để tìm cho ra những chỗ nói đến nhân vật này thì thật là khó. May mắn thay, hầu hết các bộ chính sử về các triều đại phong kiến Trung Quốc (thường gọi là *Nhị thập tứ sử*, tức là 24 bộ sử chính thức về các triều đại ở Trung Quốc) đều đã được đưa lên hàng chục địa chỉ trên mạng Internet, mà việc dò tìm các từ mẫu chốt (key words) trong một

văn bản trên máy tính thì rất thuận tiện, vừa nhanh chóng mà lại không bỏ sót. Bằng máy tính, chúng tôi đã tìm hết tất cả những chỗ có các chữ Dương Tư Húc và Mai Thúc Loan trong *Cựu Đường thư* và *Tân Đường thư*. Cụ thể như sau.

A. Trong *Cựu Đường thư* có hai chỗ nói đến Dương Tư Húc, và cuộc khởi nghĩa của Mai Thúc Loan cũng chỉ được nhắc đến hai lần ở hai chỗ này mà thôi.

1. Dương Tư Húc và cuộc khởi nghĩa của Mai Thúc Loan được nhắc đến trong một câu ở quyển 8 (*Bản kỷ 8, Huyền Tông thượng*). Câu này nói về một sự kiện trong năm Khai nguyên thứ 10 (722), đời Đường Huyền Tông, nguyên văn bằng chữ Hán gồm 40 chữ, như sau:

秋八月丙戌，岭南按察使裴霸先上言安南贼帅梅叔鸾等攻围州县，遣骠骑将军兼内侍杨思勳讨之。

(Phiên âm: *Thu bát nguyệt Bính Tuất, Lĩnh Nam án sát sứ Bùi Bá Tiên thượng ngôn An Nam tặc帅 Mai Thúc Loan đẳng công vi châu huyện, khiển phiêu kỵ tướng quân kiêm nội thị Dương Tư Húc thảo chi*).

Nghĩa là: Ngày Bính Tuất tháng 8, mùa thu, Lĩnh Nam án sát sứ là Bùi Bá Tiên báo lên cấp trên (rằng) tướng giặc An Nam là Mai Thúc Loan vây đánh các châu huyện, (hoàng đế) sai Phiêu kỵ tướng quân kiêm Nội thị Dương Tư Húc đánh dẹp.

2. Hành trạng của Dương Tư Húc được chép trong quyển 184 (*Liệt truyện 134, Hoạn quan*). Quyển này ghi chép về 14 hoạn quan, với khoảng 10 ngàn chữ, riêng về Dương Tư Húc là 493 chữ, trong đó có 97 chữ nói về việc đánh dẹp cuộc khởi nghĩa của Mai Thúc Loan, như sau:

开元初，安南首领梅玄成叛，自称“黑帝”。与林邑、真腊国通谋，陷安南府。诏思勳将兵讨之。思勳至岭表，鳩募首领子弟兵马十余万，取伏波故道以进，出其不意。玄成遽闻兵至，惶惑计无所出，竟为官军所擒，临阵斩之，尽诛其党与，积尸为京观而还。

(Phiên âm: *Khai Nguyên sơ, An Nam thủ lĩnh Mai Huyền Thành phản, tự xưng "Hắc Đế". Dữ Lâm Ấp, Chân Lạp quốc thông mưu, hãm An Nam phủ. Chiếu Tư Húc tướng binh thảo chi. Tư Húc chỉ Lĩnh Biểu, cử mộ thủ lĩnh tử đệ binh mã thập dư vạn, thủ Phục Ba cố đạo dĩ tiến, xuất kỳ bất ý. Huyền Thành cự văn binh chí, hoảng hoặc kế vô sở xuất, cánh vi quan quân sở cầm lâm trận trảm chi, tận tru kỳ đảng dữ, tích thi vi kinh quán nhi hoàn*).

Nghĩa là: Đầu niên hiệu Khai Nguyên (713-741), thủ lĩnh An Nam là Mai Huyền Thành làm phản, thông mưu với các nước Lâm Ấp, Chân Lạp, đánh phá phủ thành An Nam. (Hoàng đế) sai Tư Húc đem quân đánh dẹp. Tư Húc đến Lĩnh Nam, chiêu mộ con em bọn thủ lĩnh ở đó, người và ngựa được hơn mười vạn, theo đường cũ của Mã Viện mà tiến đánh bất ngờ. Bọn Huyền Thành chợt nghe tin quân (của Tư Húc) đến, hoảng sợ không nghĩ được kế gì, liền bị quan quân bắt hoặc chém chết tại trận, giết hết phe đảng, dồn xác chết thành đống rồi rút quân về.

Như vậy là, trong *Cựu Đường thư*, cả hai chỗ nói đến Dương Tư Húc đều nhắc đến việc Huyền Tông sai y đi đánh Mai Thúc Loan và cho biết hai cái mốc rất quan trọng: cuộc khởi nghĩa của Mai Thúc Loan nổ ra từ những năm đầu niên hiệu Khai Nguyên (năm 713 hoặc vài năm sau đó), và, Mai Thúc Loan bị đánh bại vào ngày Bính Tuất, tháng 8 năm Khai Nguyên thứ 10 (722). Trong tiểu sử của Dương Tư Húc, các nhà chép sử gọi Mai Thúc Loan là Mai Huyền Thành. Ở đây không hề nói đến việc Mai Thúc Loan làm phu công vải.

B. Trong *Tân Đường thư*, có một chỗ nói đến Dương Tư Húc và cuộc khởi nghĩa của Mai Thúc Loan, còn một chỗ khác thì chỉ nhắc đến việc tiêu diệt Mai Thúc Loan.

1. Tại quyển 207 (*Liệt truyện 132, Hoạn giả thượng* - một trong hai liệt truyện nói về các hoạn quan, khoảng 18 400 chữ), có 377 chữ nói về Dương Tư Húc, trong đó có 85 chữ nói về việc y đánh bại cuộc khởi nghĩa của Mai Thúc Loan:

开元初，安南蛮渠梅叔鸾叛，号黑帝，举三十二州之众，外结林邑、真腊、金邻等国，据海南，众号四十万。思勳请行，诏募首领子弟十万，与安南大都护光楚客繇马援故道出不意，贼驴胎不暇谋，遂大败，封尸为京观而还

(Phiên âm: Khai Nguyên sơ, An Nam man cử Mai Thúc Loan叛, hiệu Hắc Đế, cử tam thập châu chi chúng, ngoại kết Lâm Ấp, Chân Lạp, Kim Lân đẳng quốc, cử Hải Nam, chúng hiệu tứ thập vạn. Tư Húc thỉnh hành, chiếu mộ thủ lĩnh tử đệ thập vạn dĩ An Nam đại đô hộ Quang Sở Khách đạo Mã Viện cố đạo xuất bất ý, tặc lư di bất hạ mưu, toại đại bại, phong thi vi kinh quán nhi hoàn).

Nghĩa là: Đầu niên hiệu Khai Nguyên (713 -741) man cử Mai Thúc Loan ở An Nam nổi loạn, xưng là Hắc Đế, chiêu tập quân 32 châu, bên ngoài thì liên kết với các nước Lâm Ấp, Chân Lạp, Kim Lân, giữ vùng Hải Nam, số quân đến 40 vạn. Dương Tư Húc xin đi đánh, chiêu mộ con em thủ lĩnh được 10 vạn quân, cùng với An Nam đại đô hộ là Quang Sở Khách theo đường cũ của Mã Viện mà tiến đánh bất ngờ, bọn giặc không biết mưu ấy, liền đại bại, (Tư Húc) chôn xác chết thành gò đồng rồi rút quân về.

2. Tại quyển 5 (*Bản kỷ 5, Duệ Tông - Huyền Tông*), trong 156 chữ nói về những sự kiện của năm Khai Nguyên thứ 10 (722) có câu: 七月... 丙戌, 安南人梅叔鸾反, 伏诛。 (Phiên âm: Thất nguyệt... Bính Tuất, An Nam nhân Mai Thúc Loan phản, phục tru). Nghĩa là: Tháng 7..., Ngày Bính Tuất người An Nam là bọn Mai Thúc Loan phản loạn, diệt hết.

Như vậy, về việc Dương Tư Húc đánh dẹp cuộc khởi nghĩa của Mai Thúc Loan, *Tân Đường thư* cũng chép giống như *Cựu Đường thư*, cả hai bộ sách đều hoàn toàn không nói đến việc Mai Thúc Loan từng làm phu cồng vãi.

Nên nhớ rằng, sách lịch sử của Trung Quốc không chép về cuộc khởi nghĩa của Mai Thúc Loan mà chỉ chép về hành trạng của Dương Tư Húc, trong đó có việc đánh dẹp cuộc khởi nghĩa của Mai Thúc Loan. Qua đó, chúng ta biết được đôi điều về thời gian và tầm vóc của cuộc khởi nghĩa ấy.

VII. Các tác giả sách Lịch sử Hà Tĩnh đã "đọc" Đường thư ở đâu?

Trên đây, chúng tôi đã nói rõ rằng, từ năm 1060 đến nay, ở Trung Quốc không có bộ sách nào mang tên *Đường thư* nữa. Vậy thì các tác giả của sách *Lịch sử Hà Tĩnh* có thể viện dẫn sách *Đường thư* ở đâu?

Các tác giả của sách *Lịch sử Hà Tĩnh* tỏ vẻ như là họ đã lấy sử liệu từ sách của Trung Quốc, nhưng thực ra, họ chỉ lấy một cách gián tiếp mà thôi, nghĩa là qua một quyển sách lịch sử nào đó của Việt Nam thời trước. Mà họ chỉ đọc bản dịch cho nên mới không lý giải được cái tên *Đường thư* mà các học giả tiền bối đã dùng.

Từ năm 1957, các cụ Hoa Bằng, Phạm Trọng Điềm và Trần Văn Giáp làm việc ở Ban Văn Sử Địa đã dịch xong một số tài liệu lịch sử của Việt Nam, trong đó có bộ *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* do Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn. Sách này đã được ấn hành lần đầu tiên vào năm 1960, và tái bản năm 1998 (Nxb Giáo dục). *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* đã chép về cuộc khởi nghĩa của Mai Thúc Loan (theo đúng bản dịch nói trên, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1998, tập I, trang 187).

"Năm Nhâm Tuất (722). (Đường Huyền tông, năm Khai Nguyên thứ 10). Tháng 7, mùa thu. Ở Hoan Châu, Mai Thúc Loan giữ lấy châu, tự xưng đế. Nhà Đường sai bọn nội thị Dương Tư Húc sang đánh, phá được.

Theo *Đường thư*, khoảng năm Khai Nguyên (713-741), An Nam có Mai Thúc Loan làm phản, tự xưng là Hắc đế, chiêu tập quân 32 châu, ngoài liên kết với các nước Lâm Ấp, Chân Lạp và Kim Lân, giữ

vùng biển nam, quân số có đến 40 vạn. Tư Húc xin đi đánh, chiêu mộ 10 vạn quân, cùng với Quang Sở Khách tiến quân theo đường cũ của Mã Viện, nhân lúc bất ý, sập đến đánh. Thúc Loạn hoang mang nao núng, không kịp mưu tính cách đối phó, bị thua to. Tư Húc mới chôn những xác chết chung vào một nơi, đắp thành cái gò cao (Kinh quán), để ghi chiến công của mình, rồi rút quân về."

Đoạn văn trên đây tuy là văn dịch nhưng cũng đủ giúp chúng ta thấy rằng, các sử gia triều Nguyễn đã dựa theo *Tân Đường thư*, gần đúng như đoạn văn mà chúng tôi đã trích dẫn và đã dịch ở trên kia, chỉ lược bỏ chức vụ của Quang Sở Khách và không gọi Mai Thúc Loạn là "man cù" mà thôi. Tuy việc đánh dẹp cuộc khởi nghĩa của Mai Thúc Loạn đã được *Cựu Đường thư* và *Tân Đường thư* ghi chép với nội dung giống nhau, nhưng chỉ *Tân Đường thư* mới nhắc đến Quang Sở Khách. Ngoài ra, về thời điểm dẹp xong cuộc khởi nghĩa của Mai Thúc Loạn thì *Cựu Đường thư* ghi rõ là tháng 8, ngày Bính Tuất, còn *Tân Đường thư* thì ghi là tháng 7, ngày Bính Tuất, đúng như ở đoạn văn dịch trên đây. Điều đó cho phép chúng tôi khẳng định rằng, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* đã ghi chép dựa theo *Tân Đường thư*. Nhưng, vì sao các sử gia triều Nguyễn lại gọi sách ấy là *Đường thư*. Về nguyên nhân của sự việc này, chúng tôi xin phép nêu ý kiến như sau.

Chúng ta biết rằng, ông vua thứ 5 thời Lê trung hưng là Lê Kính Tông có tên là Lê Duy Tân, làm vua từ năm 1600 đến năm 1619. Vì vậy từ năm 1600 đến hết thời Lê trung hưng (1788), chữ Tân là một chữ kỵ húy, các địa danh có chữ Tân thường được đổi thành chữ Tiên, ví dụ, phủ Tân Hưng thuộc trấn Sơn Nam đổi thành phủ Tiên Hưng (nay là đất các huyện Hưng Hà, Vũ Thư, Thái Thụy, tỉnh Thái Bình), huyện Tân Minh đổi thành huyện Tiên Minh (nay là huyện Tiên Lãng, thuộc thành phố Hải Phòng). Chữ Tân trong tên đất thì có thể đổi được, nhưng trong tên sách thì không đổi được, cho nên, để tránh phạm húy, sách *Tân Đường thư* được gọi là *Đường thư*. Triều Nguyễn tuy không kỵ húy chữ Tân nhưng vì khoảng cách giữa triều Nguyễn và triều Lê rất ngắn, chưa đến 15 năm, và lại, triều Nguyễn không có hận thù gì với triều Lê, cho nên những thói quen từ thời Lê vẫn còn có ảnh hưởng sang triều Nguyễn. Có lẽ vì thế cho nên các sử gia triều Nguyễn vẫn gọi sách *Tân Đường thư* là *Đường thư*. Sự việc này không đến nỗi khó hiểu.

Đây cũng chỉ là dự đoán ban đầu, chúng tôi chưa có điều kiện để xem xét thật kỹ. Rất có thể là, ở nước ta, cái tên *Đường thư* dùng để chỉ cả *Tân Đường thư* lẫn *Cựu Đường thư*. Kính mong quý vị độc giả chỉ bảo thêm. Nhưng chắc chắn rằng, cái tên *Đường thư* chỉ ở Việt Nam mới dùng để chỉ sách lịch sử về triều đại nhà Đường, còn ở Trung Quốc thì phân biệt rõ *Tân Đường thư* và *Cựu Đường thư*.

VIII. Vài kết luận đáng buồn

Qua những điều vừa trình bày trên đây, chúng ta thấy rằng, tuy các tác giả sách *Lịch sử Hà Tĩnh* viện dẫn sử liệu của Trung Quốc về cuộc khởi nghĩa của Mai Thúc Loạn nhưng họ chưa đọc các sử liệu đó. Trong quyển *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam* tập 1 (của Trần Quốc Vượng và Hà Văn Tấn, Nxb Giáo dục, 1960), ở Chương thứ bảy, nhan đề "Thời kỳ thống trị của Tùy Đường (602-905). Những điều kiện tiền đề của sự thành lập nhà nước phong kiến độc lập" (trang 161-194), các tác giả đã 64 lần viện dẫn *Tân Đường thư* và *Cựu Đường thư*, vậy mà còn có 3 lần viện dẫn *Đường thư*! Sách *Lịch sử Việt Nam*, tập I (của Phan Huy Lê, Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn, Lương Ninh, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, 1991), trong Chương tám, nhan đề "Chống ách đô hộ Tùy Đường, bước chuẩn bị tiến tới độc lập tự chủ thế kỷ X" (từ trang 273 đến trang 290) cũng trích dẫn *Tân Đường thư*, *Cựu Đường thư* và cả *Đường thư* nữa! Đã đọc cả *Tân Đường thư* và *Cựu Đường thư* thì ắt phải biết rằng, *Đường thư* chính là tên cũ của *Cựu Đường thư* (hoặc có thể là cả *Tân Đường thư* nữa, theo cách gọi ở Việt Nam). Sự việc này càng chứng tỏ rằng, không ít nhà sử học hiện nay có thói quen viện dẫn những sách vở mà họ chưa hề đụng đến. Sự thực là, họ đã sử dụng một số bản dịch từ các sách lịch sử của Việt Nam thời trước viết bằng chữ Hán, trong đó có viện dẫn các sách của Trung Quốc, nhưng họ cũng không đọc trực tiếp từ nguyên bản bằng chữ Hán mà đọc qua bản dịch. Đáng tiếc là họ không nêu rõ là đã đọc qua bản dịch của ai, từ sách nào của Việt Nam (chứ không phải từ sách Trung Quốc) mà coi như mình đã đọc trực tiếp từ nguồn sử liệu của Trung Quốc. Trong sách *Lịch sử Hà Tĩnh*, các tác giả không nêu rõ là họ đã gián tiếp đọc *Đường thư* qua bản dịch hoặc lời trích dẫn ở đâu, từ sách nào của Việt Nam, mà coi như mình đã đọc trực tiếp từ nguồn sử liệu của Trung Quốc.

Việc sử dụng tài liệu gián tiếp mà không nói rõ xuất xứ, lại không trả lại được tên gọi đúng cho tài liệu gốc, đó là một khuyết điểm mà nhà sử học hoặc bất cứ ai cũng không nên mắc phải. Nhưng, tệ hơn nữa là, các nhà sử học dám bịa ra "cứ liệu" mà cả tài liệu gốc lẫn tài liệu gián tiếp đều không hề nói đến. *Tân Đường thư* và *Cựu Đường thư* hoàn toàn không nói đến việc Mai Thúc Loan từng phải làm phu cồng vãi. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* đã trích dẫn *Tân Đường thư* một cách trung thực. Thế mà các tác giả của sách *Lịch sử Hà Tĩnh* dám viết rằng, *Đường thư* đã chép về việc Mai Thúc Loan đã từng làm phu cồng vãi sang kinh đô Tràng An.

Tài liệu tham khảo chính

1. *Lịch sử Hà Tĩnh*, tập I. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội. 2000
2. *Từ hải* (các ấn bản 1989, 1999, 1932)
3. *Từ nguyên*. Thương vụ ấn thư quán. Bắc Kinh, 1997
4. *Cựu Đường thư* (trên website www.guoxue.com/shibu/24shi/oldtangsu/jtsml.htm)
5. *Tân Đường thư* (trên website www.guoxue.com/shibu/24shi/newtangsu/lianshu.htm)
6. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập I. Nxb Giáo dục. Hà Nội, 1998
7. *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*, tập I. Nxb Giáo dục. Hà Nội, 1960

Nguồn: Báo *Người đại biểu Nhân dân*, số ra ngày 7 và 8.12.2005